TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Nâng cao hiệu quả quản lý và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

05:58 17/01/2026

Chính phủ ra Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/1/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/1/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (Chương trình).



Ảnh minh họa

Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 115-KL/TW và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Chương trình này bao gồm các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%

Chương trình đặt mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 8,5%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%; có khả năng cung cấp nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho khu vực và thế giới. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức giảm xuống dưới 40%. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%.

Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia. Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,78.

Đến năm 2030, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, kết nối với khu vực và thế giới. Đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm.

Đến năm 2030, đạt mục tiêu kinh tế dữ liệu tăng gấp 3 lần tăng trưởng GDP; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt tương đương các nước phát triển

Bảo đảm an toàn, an ninh tài chính quốc gia. Nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia nằm trong ngưỡng an toàn theo quy định của Quốc hội.

Tổng đầu tư xã hội bình quân 5 năm đạt khoảng 40% GDP, tỷ lệ đầu tư công chiếm 20 - 22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 120% GDP. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 58% GDP. Quy mô doanh thu của ngành bảo hiểm đạt 3,3 - 3,5% GDP. Tổng mức dự trữ quốc gia đạt 0,5% GDP.

Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 55%. Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Phấn đấu thuộc nhóm 50 quốc gia đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số. Kinh tế dữ liệu tăng gấp 3 lần tăng

trưởng GDP. Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Tỷ trọng công nghiệp công nghệ số trong GDP tối thiểu 8%. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%.

Số lượng doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới tăng 10% mỗi năm. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt tương đương các nước phát triển.

Phấn đấu đến năm 2030, tổng thu du lịch khoảng 13 - 14% GDP.

7 nhiệm vụ, giải pháp

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao cần tập trung thực hiện 07 nhiệm vụ, giải pháp sau:

1 Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, bảo đảm phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững của đất nước, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thể chế phải được xây dựng đồng bộ cả ở phương diện tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển và kiến tạo động lực tăng trưởng mới, với mục tiêu huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực từ Nhà nước, xã hội và người dân cho sự nghiệp phát triển đất nước. Có cơ chế, chính sách hữu hiệu để người dân tin tưởng, an tâm bỏ vốn đầu tư, kinh doanh thay vì tích trữ vàng; hạn chế đầu cơ đất đai, bất động sản.

2 Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các luật, pháp lệnh đã được ban hành. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là các luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 đã được điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu: kiên quyết xóa bỏ tư duy "không quản được thì cấm", khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật; mỗi vấn đề, mỗi nội dung chỉ quy định tại một luật duy nhất.

Cải cách thể chế hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, hiện đại; triệt để phân cấp, phân quyền đi đôi với hậu kiểm và đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" trong quản lý nhà nước. Pháp luật phải bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, ổn định, khả thi

và có tầm nhìn chiến lược dài hạn.

3 Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng kiến tạo phát triển. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ và xác định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng các nguồn lực kinh tế.

4 Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế trên cơ sở luật hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, các mô hình thí điểm đã được kiểm nghiệm hiệu quả; đồng thời nghiên cứu mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu đổi mới sáng tạo trong từng lĩnh vực, địa phương.

5 Đổi mới toàn diện công tác quy hoạch theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, bền vững, gắn kết giữa các ngành, các vùng, các cấp và giữa quy hoạch với kế hoạch phát triển. Xác định quy hoạch là công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Khắc phục tình trạng cục bộ, chồng chéo, "xin - cho"; bảo đảm công khai, minh bạch trong lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

6 Rà soát, kiểm kê, đánh giá và cập nhật đầy đủ các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm cả nguồn lực vật chất và phi vật chất, truyền thống và hiện đại; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, liên thông, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, làm căn cứ cho hoạch định chính sách và quản lý hiệu quả.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý, dự báo, theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn lực, phục vụ quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển.

7 Xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng làm chậm đưa nguồn lực vào sử dụng, như quy hoạch treo, dự án ách tắc thủ tục, đất công bỏ hoang, tài sản tranh chấp, vụ việc tồn đọng... Phối hợp liên ngành hiệu quả, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực trên thực tế.

Ngoài ra, Chương trình cũng đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể đối với từng nhóm nguồn lực về: nhân lực; vật lực; tài lực; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược của quốc gia; thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam...

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nâng cao hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế

Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và Chương trình hành động này; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Kết luận số 115-KL/TW.

Đồng thời, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký (15/1/2026); thay thế Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

PV